

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KH-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2024

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện Chiến lược phát triển Trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Thực hiện Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 811/QĐ-BNN-TT ngày 20/03/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện chiến lược phát triển Trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

**1. Mục đích:** Triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ được đồng bộ, kịp thời, thống nhất và hiệu quả; bảo đảm phù hợp với phương hướng phát triển của ngành, lĩnh vực tại Quyết định 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

#### 2. Yêu cầu

- Phát triển trồng trọt theo vùng sản xuất tập trung, gắn với liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, đẩy mạnh ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao và phát triển nông nghiệp đa giá trị trên địa bàn tỉnh.

- Sản xuất Trồng trọt gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng biến đổi khí hậu và xây dựng nông thôn mới.

- Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố cần xác định rõ việc thực hiện Chiến lược là nhiệm vụ hàng năm; luôn bám sát nhiệm vụ, giải pháp và mục tiêu của chiến lược nhằm thực hiện có hiệu quả, chất lượng và theo đúng tiến độ đề ra.

- Trên cơ sở nội dung của Kế hoạch này, các đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch thực hiện nhằm góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra trong chiến lược phát triển Trồng trọt của tỉnh.

#### II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

##### 1. Mục tiêu

**1.1. Mục tiêu chung:** Phát triển Trồng trọt thành ngành kinh tế kỹ thuật hoàn chỉnh, chuyên nghiệp, sản phẩm có sức cạnh tranh cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, góp phần đảm bảo an ninh lương thực và các nhu cầu khác của

nền kinh tế, gia tăng giá trị xuất khẩu; sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo việc làm, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống cho nông dân góp phần ổn định xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

### ***1.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:***

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất trồng trọt bình quân 2-3%/năm;
- Đảm bảo tưới chủ động cho 100% diện tích chuyên lúa; diện tích cây ăn quả được áp dụng tưới tiết kiệm đạt 20%;
- Tỷ lệ diện tích sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, thực hành nông nghiệp tốt đạt tiêu chuẩn (GAP và tương đương) đạt 10-15%. Tỷ lệ diện tích trồng trọt đạt tiêu chuẩn hữu cơ đạt 1%.
- Tỷ lệ giá trị sản phẩm trồng trọt chủ lực được sản xuất dưới các hình thức hợp tác, liên kết 30-35%
- Giá trị sản phẩm bình quân trên 1 ha đất trồng trọt đạt 150-160 triệu đồng.

***1.3. Tầm nhìn đến năm 2050:*** Các sản phẩm ngành trồng trọt được sản xuất theo chuỗi liên kết, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, an toàn thực phẩm và thân thiện với môi trường.

Chủ động tham gia các chuỗi cung ứng toàn cầu, bảo đảm phát triển sản xuất gắn với hiện đại hóa, bảo vệ môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu.

## **2. Các nhiệm vụ chủ yếu**

***2.1. Cơ cấu lại ngành trồng trọt theo hướng tập trung thúc đẩy phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc trưng có lợi thế của từng vùng, địa phương theo các nhóm sản phẩm:***

Phát triển sản xuất quy mô lớn, tăng cường liên kết giữa các địa phương để tạo vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, áp dụng tiên bộ kỹ thuật, công nghệ mới, đưa cơ giới hóa vào sản xuất. Thực hiện khoanh vùng, tập trung đất đai, phát triển nông nghiệp hàng hóa lớn tập trung theo hướng hiện đại, theo chuỗi giá trị.

- Cây lúa: Diện tích lúa gieo cấy hàng năm đạt khoảng 90.000 ha, sản lượng 558.000 tấn (trong đó: lúa chất lượng đạt 55.000ha, sản lượng 357.500 tấn), đảm bảo an ninh lương thực, đáp ứng đủ cho nhu cầu tiêu thụ nội tỉnh và cung cấp cho thị trường bên ngoài. Nâng cao hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, giữ diện đất lúa được bảo vệ nghiêm ngặt diện tích 36.555 ha, vùng sản xuất lúa thâm canh tập trung 18.466 ha; tỷ lệ sử dụng giống xác nhận trở lên trên 98%; đồng bộ cơ giới hóa từ làm đất đến thu hoạch; tăng cường xây dựng thương hiệu lúa gạo, phát triển sản xuất gạo hữu cơ ở các vùng sinh thái phù hợp.

- Rau các loại: Diện tích gieo trồng khoảng 28.000ha, sản lượng 554.400 tấn. Đẩy mạnh phát triển các vùng sản xuất tập trung chuyên canh, đa dạng hóa chủng loại với từng nhóm rau (rau ăn lá, rau ăn quả, củ...). Trong đó, sản xuất rau an toàn áp dụng quy trình VietGAP 14.000 ha, sản lượng khoảng 300.000 tấn, trong đó rau phục vụ chế biến xuất khẩu khoảng 3.100 ha.

- Cây vải: Duy trì diện tích khoảng 29.700 ha, sản lượng 160.000 - 180.000 tấn; diện tích vải sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP đạt 21.000 ha, sản lượng 153.300 tấn, trong đó sản lượng vải đạt tiêu chuẩn xuất khẩu là 135.800 tấn (chiếm 88,6% tổng sản lượng).

- Cây chè: Duy trì diện tích chè toàn tỉnh 400ha, sản xuất tập trung khoảng 350ha tại huyện Yên Thế. Mở rộng diện tích chè được chứng nhận an toàn thực phẩm, thực hành nông nghiệp tốt, hữu cơ; tăng cường năng lực, đổi mới công nghệ sơ chế, chế biến, đa dạng hóa sản phẩm; ưu tiên chế biến chè xanh chất lượng cao phục vụ nhu cầu trong nước, chế biến chè đen đảm bảo tiêu chuẩn phục vụ xuất khẩu.

- Cây na: Duy trì ổn định diện tích 2.100 ha, sản lượng 16.000 tấn; Diện tích tập trung tại huyện Lục Nam.

- Cây cam: Duy trì ổn định diện tích khoảng 3.000- 3.500 ha, sản lượng khoảng 35.000 - 40.000 tấn; Diện tích tập trung tại huyện Lục Ngạn, Lục Nam.

- Cây bưởi: Duy trì ổn định diện tích 5.300 ha, sản lượng khoảng 50.000 tấn. Diện tích tập trung tại huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Hiệp Hoà.

- Cây nhãn: Duy trì diện tích 3.700ha, sản lượng 26.000 tấn. Diện tích tập trung tại các huyện Lục Nam, Lục Ngạn, Yên Thế, Tân Yên, Lạng Giang.

- Cây táo: Duy trì diện tích 1.600ha, sản lượng 16.000 tấn; Diện tích tập trung tại các huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Lạng Giang, Yên Thế, Sơn Động.

- Cây ôi: Duy trì diện tích 900 ha, sản lượng 6.600 tấn; Diện tích tập trung tại các huyện Tân Yên, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế.

Ngoài ra cần phát triển một số cây trồng có giá trị kinh tế cao như: Nấm, Sâm nam núi dành, trà hoa vàng, hoa cây cảnh, cây dược liệu...

## ***2.2. Phát triển sản xuất Trồng trọt theo hướng bền vững và gắn với nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới:***

- Sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài nguyên; kiểm soát mức độ suy thoái đất, duy trì bảo vệ độ phì đất, tối ưu hoá các mục đích sử dụng đất nông nghiệp; bảo đảm an ninh và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước; tăng cường tạo nguồn, tích nước, điều tiết, quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước phục vụ nông nghiệp.

- Áp dụng cơ giới hóa đồng bộ từ khâu sản xuất đến thu hoạch, bảo quản, chế biến theo chuỗi giá trị, trước hết đối với sản phẩm chủ lực tại các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn. Hỗ trợ nông dân đầu tư, áp dụng các thiết bị cơ giới tiên tiến, nhà kính, nhà lưới hiện đại, gắn với các quy trình sản xuất tiên tiến, công nghệ cao. Phát triển các hình thức tổ chức kinh doanh dịch vụ cơ giới nông nghiệp.

- Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến, tăng tỷ trọng chế biến sâu để giảm chi phí và nâng cao giá trị nông sản. Đầu tư nâng cao năng lực chế biến, bảo quản và các dịch vụ logistics cho các vùng chuyên canh chính. Hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, cung cấp đủ nguyên liệu đảm bảo tiêu chuẩn chất

lượng cho cơ sở chế biến. Thu hút doanh nghiệp có đủ năng lực về vốn, khoa học công nghệ và thị trường để dẫn dắt chuỗi giá trị hiệu quả để phát triển các cụm liên kết sản xuất - chế biến và tiêu thụ tại các địa phương, vùng có sản lượng nông sản lớn, thuận lợi giao thông, lao động, logistics, tạo điều kiện hình thành động lực tăng trưởng cho các địa phương.

- Đổi mới phương thức quản lý, sử dụng và kinh doanh vật tư nông nghiệp hướng tới nền sản xuất nông nghiệp chuyên nghiệp, có trách nhiệm; tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, phân bón sinh học, thuốc bảo vệ thực vật sinh học thảo mộc... Xây dựng, phát triển các chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM); tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong dự tính, dự báo sinh vật gây hại cây trồng; kiểm soát tồn thất sau thu hoạch; bảo vệ sức khỏe đất, sức khỏe con người, động vật và môi trường sinh thái.

- Đẩy mạnh thí điểm và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp mới làm hình mẫu cho các vùng chuyên canh, đáp ứng các yêu cầu thị trường như: nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, tiết kiệm tài nguyên và giảm thải; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp (chế biến nông sản, tái chế phế, phụ phẩm, sản xuất năng lượng tái tạo,...), nông nghiệp kết hợp dịch vụ (du lịch trải nghiệm, dịch vụ bảo vệ môi trường, dịch vụ đào tạo và cung cấp chuyên gia công nghệ, dịch vụ kinh doanh nông sản...). Đánh giá hiệu quả các mô hình này để rút kinh nghiệm, nhân rộng quy mô, giới thiệu công nghệ và cách quản lý mới.

- Nghiên cứu, chọn tạo, chuyển giao và ứng dụng giống cây trồng có năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu một cách hiệu quả; bảo tồn và phát triển giống bản địa, đặc hữu có giá trị kinh tế cao, gắn với vùng vùng sinh thái, sở hữu trí tuệ. Xây dựng hệ thống tổ chức sản xuất, kinh doanh giống đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng phục vụ sản xuất đại trà trên toàn tỉnh, tăng cường công tác quản lý giống nhằm tăng nhanh tỷ lệ sử dụng giống đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn.

### **3. Giải pháp thực hiện**

#### ***3.1. Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức:***

- Tập trung tuyên truyền, đa dạng hóa các hình thức, nội dung truyền thông nhằm nâng cao nhận thức các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân về vai trò, tầm quan trọng của trồng trọt với các giá trị kinh tế, môi trường và ổn định xã hội; nâng cao nhận thức tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực trồng trọt; thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp trong lĩnh vực trồng trọt; sản xuất tuần hoàn, sản xuất bền vững,...

- Triển khai thực hiện chính sách trồng trọt trên cơ sở Luật Trồng trọt năm 2018, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013; đảm bảo hài hòa với Luật Đất đai, Luật Đa dạng sinh học, Luật Bảo vệ môi trường, pháp luật liên quan; Rà soát đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, thay thế các nội dung không phù hợp.

#### ***3.2. Đổi mới tổ chức sản xuất, kinh doanh:***

- Thay đổi tư duy, cách thức tổ chức sản xuất trồng trọt theo hướng tập trung vào các sản phẩm chủ lực, các sản phẩm bản địa có lợi thế của các địa

phương. Tiếp tục thực hiện đồng bộ công tác dồn điền, đổi thửa, tích tụ ruộng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa cùng với hoàn thiện hạ tầng thủy lợi, kênh mương, đường giao thông nội đồng đáp ứng hình thành vùng sản xuất trồng trọt tập trung, quy mô lớn.

- Cùng cố, phát triển doanh nghiệp nông nghiệp, trang trại, hợp tác xã, tổ hợp tác; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, gắn với nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo, nòng cốt, dẫn dắt, đưa khoa học công nghệ, trình độ quản trị và kinh tế số vào chuỗi giá trị. Ưu tiên hình thành hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quản trị tiên tiến, đủ sức tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho nông dân, nhất là ở các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn.

- Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực trồng trọt, đặc biệt chế biến sâu, chế biến phụ phẩm áp dụng công nghệ cao đối với các ngành hàng có lợi thế gắn với tiêu thụ sản phẩm; sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật vi sinh, hữu cơ và các chế phẩm sử dụng trong trồng trọt thân thiện với môi trường, từng bước chủ động nguồn cung ứng vật tư nông nghiệp khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra; xây dựng chính sách, triển khai các mô hình khuyến khích người sản xuất sử dụng phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, sử dụng sinh vật có ích trên cây trồng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Xây dựng thí điểm mô hình tổ hợp nông, công nghiệp, dịch vụ công nghệ cao; mô hình nông nghiệp đa giá trị, đa dịch vụ nhằm hỗ trợ người nông dân nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, làm cơ sở nhân rộng, phát triển.

- Mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản bằng các giải pháp như tham gia triển lãm, tham gia sàn giao dịch điện tử, kinh doanh nông sản online...

### ***3.3. Phát triển thị trường nông sản:***

- Thường xuyên cập nhật, nâng cao năng lực nghiên cứu, dự báo nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu đối với từng loại nông sản; thông tin về chính sách thương mại của các quốc gia và của từng thị trường về thị phần, thị hiếu, giá cả, rào cản kỹ thuật, thuế quan... làm căn cứ hoạch định chính sách, kế hoạch chỉ đạo, điều hành.

- Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng đến địa phương, doanh nghiệp, người dân về mã số vùng trồng, các quy định của các nước nhập khẩu nông sản lớn của ta như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, v.v... để chuẩn bị, tạo điều kiện thâm nhập các thị trường này. Hỗ trợ, phối hợp các cơ quan liên quan tháo gỡ các rào cản kỹ thuật và rào cản thương mại của các nước nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các sản phẩm trồng trọt của tỉnh thâm nhập vào thị trường các nước.

- Đẩy mạnh hoạt động bảo hộ, quản lý và hỗ trợ phát triển các đối tượng Sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm nông sản hàng hóa, chỉ dẫn địa lý; tăng cường hoạt động kết nối các doanh nghiệp nông nghiệp trong và ngoài nước nhằm đẩy mạnh hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản cho nông dân. Đổi mới các hoạt

động quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông sản thông qua tổ chức các hội chợ, triển lãm, hội thảo, diễn đàn. Khuyến khích, đẩy mạnh kết nối tiêu thụ thông qua ứng dụng, sàn thương mại điện tử. Xây dựng cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa các cơ quan chuyên ngành Trung ương với địa phương để chủ động tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ tìm kiếm thị trường tiêu thụ nông sản.

- Tăng cường năng lực hội nhập quốc tế; tổ chức nghiên cứu, đánh giá tác động của hội nhập quốc tế đem lại, tuyên truyền phổ biến để các địa phương, doanh nghiệp và người dân có phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp; hỗ trợ doanh nghiệp về các vấn đề pháp lý trong giải quyết tranh chấp thương mại, giảm thiểu rủi ro trong hội nhập quốc tế.

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nông sản ứng dụng công nghệ chế biến mới, nâng cao chất lượng hàng nông sản xuất khẩu, sản xuất các sản phẩm chế biến sâu, có thời gian bảo quản lâu, phù hợp với xu hướng tiêu dùng mới.

### **3.4. Khoa học công nghệ và khuyến nông:**

- Tập trung đề xuất đặt hàng, triển khai thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, đáp ứng yêu cầu sản xuất và thị trường, ưu tiên các lĩnh vực: Chọn tạo, nghiên cứu ứng dụng các giống có năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh và điều kiện bất thuận, sử dụng tiết kiệm nước và phân bón; bảo tồn, phục tráng, khai thác và phát triển các giống cây trồng bản địa; nghiên cứu sản xuất, ứng dụng các loại phân bón công nghệ cao, phân bón chuyên dùng, chế phẩm sinh học, tác nhân phòng trừ sinh học, KIT chẩn đoán bệnh, phát hiện dư lượng chất cấm, thuốc bảo vệ thực vật; nghiên cứu, đánh giá độ phì của đất canh tác và giải pháp quản lý, sử dụng, bổ sung dinh dưỡng, phục hồi đất, giảm phát thải khí nhà kính phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững.

- Tăng cường nghiên cứu, hoàn thiện và chuyển giao quy trình kỹ thuật sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, sản xuất hữu cơ, tuần hoàn gắn với chuỗi giá trị cho các đối tượng cây trồng chủ lực nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón, giảm thuốc bảo vệ thực vật hóa học, giảm chi phí đầu vào, nâng cao năng suất, chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường; công nghệ, thiết bị phục vụ cơ giới hóa, tự động hóa trong thu hoạch, sơ chế, bảo quản và chế biến sâu một số nông sản chủ lực.

- Rà soát phù hợp với Quy hoạch tỉnh xây dựng các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư sản xuất ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện của các vùng sinh thái đặc biệt là các sản phẩm chủ lực.

- Thúc đẩy chuyên đổi số, hoàn thiện cơ sở dữ liệu số sản xuất, kinh doanh trồng trọt (quản lý đất đai, số hóa mã số vùng trồng, cây trồng, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thị trường...), truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ công tác chỉ đạo điều hành.

- Xây dựng và quảng bá nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế cao đặc biệt là mô hình tổ chức sản xuất mới: mô hình sản xuất áp dụng

VietGAP, mô hình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, mùa vụ; mô hình sản xuất thích ứng biến đổi khí hậu, mô hình sản xuất liên kết theo chuỗi; mô hình nông nghiệp thông minh, tuần hoàn; sản xuất kết hợp du lịch sinh thái... Tổ chức tổng kết đánh giá hiệu quả các mô hình này để rút kinh nghiệm, nhân rộng quy mô.

### **3.5. Đào tạo nguồn nhân lực:**

- Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ trồng trọt, bảo vệ thực vật các cấp, nhất là cấp cơ sở. Chú trọng đào tạo kỹ năng quản trị cho đội ngũ quản lý hợp tác xã; đào tạo kỹ thuật trồng trọt, quản lý sinh vật gây hại và an toàn thực phẩm cho nông dân thông qua các chương trình dạy nghề, hoạt động khuyến nông và doanh nghiệp tham gia đầu tư theo hướng xã hội hóa.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý nông nghiệp, cán bộ nghiên cứu nông nghiệp. Tạo điều kiện cho cán bộ trẻ được tham gia hợp tác nghiên cứu với các chuyên gia nước ngoài trong lĩnh vực Trồng trọt, Bảo vệ thực vật, công nghệ bảo quản chế biến sau thu hoạch.

### **3.6. Xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng:**

- Củng cố, phát triển hệ thống thủy lợi đa mục tiêu; ứng dụng công nghệ thông tin quản lý và sử dụng nước hiệu quả; sử dụng nước linh hoạt; xây dựng hệ thống cảnh báo sớm thiên tai.

- Hoàn thiện hệ thống đường giao thông nông thôn đảm bảo kết nối với khu, vùng sản xuất trồng trọt, giúp vận chuyển nông sản thuận lợi. Đầu tư xây dựng đường kết nối các vùng sản xuất tập trung, đáp ứng nhu cầu vận chuyển nông sản; phát triển kho chứa, chợ đầu mối.

### **3.7. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước:**

- Kiện toàn và nâng cao năng lực hệ thống tổ chức bộ máy quản lý ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật cấp tỉnh, cấp huyện theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả. Đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ quản lý nhà nước, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, thực thi pháp luật về trồng trọt, bảo vệ thực vật; làm tốt chức năng hỗ trợ, thúc đẩy phát triển sản xuất và phù hợp với nền kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế.

- Nghiên cứu, đề xuất xã hội hóa các dịch vụ công về trồng trọt, bảo vệ thực vật để mọi thành phần kinh tế có đủ điều kiện có thể tham gia nhằm công khai, minh bạch các hoạt động quản lý, giảm áp lực về biên chế, ngân sách nhà nước và cung cấp cho người dân chất lượng dịch vụ tốt nhất.

### **3.8. Xây dựng, hoàn thiện và triển khai các cơ chế chính sách:**

- Triển khai thực hiện chính sách trồng trọt trên cơ sở Luật Trồng trọt năm 2018, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013; đảm bảo hài hòa với Luật Đất đai, Luật Đa dạng sinh học, Luật Bảo vệ môi trường, pháp luật liên quan; Rà soát đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, thay thế các nội dung không phù hợp.

- Thực hiện xây dựng, triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp: chính sách đất đai, chính sách tài chính, tín dụng, chính sách đầu tư, chính sách thuế, chính sách phát triển nguồn nhân lực phù hợp với các quy định hiện hành.

- Tổ chức thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hiện có; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành chính sách mới.

### ***3.9. Hợp tác quốc tế:***

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng hợp tác với các quốc gia, các tổ chức quốc tế để tranh thủ, thu hút nguồn vốn, phát triển thị trường, tiếp cận khoa học công nghệ phục vụ cho các mục tiêu phát triển của ngành.

- Tận dụng các FTAs thế hệ mới, các nghị định thư để đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng nông sản chủ lực, đàm phán mở cửa thị trường chính ngạch cho các nông sản rau quả tươi sang thị trường khó tính.

- Triển khai các chương trình, kế hoạch phát triển thị trường xuất khẩu, chủ động tham gia chuỗi cung ứng nông sản toàn cầu.

### ***3.10. Đánh giá, thanh tra, kiểm tra:***

- Tổ chức đánh giá nhằm nâng cao hiệu quả và hiệu lực thực hiện Kế hoạch làm căn cứ hoạch định chính sách, điều chỉnh kế hoạch và giải pháp kịp thời.

- Giám sát các chương trình, đề án, dự án thực hiện Kế hoạch thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch 5 năm, hàng năm hoặc đột xuất. Rà soát, điều chỉnh Kế hoạch phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện thực tiễn.

- Việc đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch được thực hiện đảm bảo nguyên tắc độc lập, khách quan.

## **4. Kinh phí thực hiện**

Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn tiếp theo.

- Kinh phí huy động xã hội hóa các nguồn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển ngành Trồng trọt: nguồn từ các doanh nghiệp; chủ động mở rộng quan hệ hợp tác nhằm thu hút các nguồn lực đầu tư thông qua các chương trình, dự án phi chính phủ, nguồn kinh phí của các tổ chức, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hợp tác xã, các tổ chức, cá nhân khác thông qua đối ứng và kinh phí hợp pháp khác.

- Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### 1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức chính trị xã hội tổ chức triển khai, theo dõi việc thực hiện Kế hoạch; xây dựng chương trình, kế hoạch, dự án cụ thể trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện; thường xuyên đôn đốc, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm và theo yêu cầu; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch.

**2. Sở Tài chính:** Hàng năm, căn cứ số kinh phí ngân sách trung ương giao và khả năng ngân sách địa phương, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ ngân sách trung ương, bố trí ngân sách địa phương để thực hiện Kế hoạch.

**3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác (nếu có) để thực hiện Kế hoạch theo quy định.

#### 4. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tập trung đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh theo chuỗi từ khâu sản xuất nguyên liệu đến bảo quản sau thu hoạch, chế biến và tiêu thụ nông sản chủ lực; đẩy mạnh các hoạt động kết nối cung cầu, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản của địa phương tại thị trường trong nước, phát triển thị trường tiêu thụ nông sản ở nước ngoài thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu; kết nối giao thông và logistic giữa các vùng nông sản của tỉnh với thị trường trong nước và các cửa khẩu.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các chương trình, đề án khuyến công trong hoạt động chuyển giao công nghệ, hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào sản xuất.

**5. Sở Khoa học và Công nghệ:** Phối hợp với các sở, ngành, địa phương đề xuất đặt hàng triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực nông nghiệp để phát triển sản phẩm chủ lực, đặc trưng, có lợi thế của tỉnh; Chuyển giao các kết quả nghiên cứu phù hợp với điều kiện các địa phương trong tỉnh; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân bảo hộ, quản lý và hỗ trợ phát triển các đối tượng sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm nông sản, hàng hoá; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân triển khai áp dụng tiêu chuẩn, công cụ, mô hình, phương pháp quản lý tiên tiến; thành lập và chứng nhận tổ chức khoa học công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

**6. Sở Tài nguyên và Môi trường:** Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quản lý, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đáp ứng nhiệm vụ phát triển sản xuất trồng trọt của tỉnh đã đề

ra trong kế hoạch này; rà soát, kiểm soát, quản lý chặt chẽ quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp (đặc biệt là đất trồng lúa); đề xuất các chính sách liên quan đến đất đai, tài nguyên, hỗ trợ phát triển nền nông nghiệp xanh, giảm phát thải và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường khu vực nông nghiệp nông thôn, bảo tồn đa dạng sinh học.

**7. Sở Giao thông vận tải:** Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các sở, ngành liên quan tham mưu lồng ghép các Chương trình, dự án, đồng thời hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra từng bước tăng dần tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa đường trục chính nội đồng, đảm bảo kết nối, vận chuyển nông sản thuận lợi.

**8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:** Căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp xây dựng kế hoạch, tổ chức đào tạo nghề lĩnh vực trồng trọt đáp ứng nhu cầu phát triển theo từng giai đoạn.

**9. Sở Thông tin và Truyền thông:** Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế chính sách hỗ trợ chuyển đổi số trong nông nghiệp, xây dựng làng, xã thông minh. Phối hợp triển khai các nội dung về xây dựng hạ tầng thông tin truyền thông, hạ tầng số phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

**10. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch:** Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 01/8/2023 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025; Tổ chức các hoạt động, sự kiện về du lịch thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm từ trồng trọt thuộc Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP).

**11. Ban Dân tộc:** Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện lồng ghép các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trong Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

**12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Nông dân tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội:** Chủ động, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành, địa phương triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ cho người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp để thực hiện các định hướng của Kế hoạch; tham gia có trách nhiệm trong công tác truyền thông, phản biện xã hội và vận động thành viên, hội viên, quần chúng nhân dân tham gia phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tham gia đề xuất cơ chế chính sách và biện pháp khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân là thành viên tham gia đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn.

### **13. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bắc Giang**

- Chỉ đạo ngân hàng chính sách tỉnh Bắc Giang hướng dẫn các tổ chức, cá nhân (*thuộc diện chính sách*) có nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất nông nghiệp theo các chính sách từ Trung ương đến địa phương.

- Chỉ đạo các ngân hàng thương mại trên địa bàn tạo điều kiện và cho các tổ chức, cá nhân được vay vốn phát triển sản xuất theo các quy định hiện hành.

### **14. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Xây dựng, triển khai Kế hoạch thực hiện trên địa bàn phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Kế hoạch này làm cơ sở để triển khai thực hiện; đề xuất các dự án cụ thể để triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện quản lý, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn đảm bảo đáp ứng nhiệm vụ phát triển sản xuất trồng trọt của tỉnh đã đề ra trong kế hoạch này.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào các nhà máy chế biến, khu sơ chế và kho bảo quản nông sản trên địa bàn gắn với các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với định hướng phát triển chung của tỉnh. Hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân tham gia các chuỗi liên kết và tiêu thụ sản phẩm.

- Bố trí ngân sách để đảm bảo việc triển khai thực hiện Kế hoạch tại địa phương đạt hiệu quả và mục tiêu đề ra; thực hiện chế độ thông tin báo cáo hàng năm và từng giai đoạn.

Các sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ trước ngày 01/12 hàng năm, gửi báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp.

Giao Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp UBND tỉnh theo dõi và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT.Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Ngân hàng NN chi nhánh tỉnh Bắc Giang;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + LĐVP, TH, KTTH, KTN, TN, TKCT;
  - + Lưu: VT, NN Thăng.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Ô Pích**

## DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, ĐỀ ÁN, KẾ HOẠCH

*(Kèm theo Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang)*

STT	Tên đề án, dự án, kế hoạch	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Cấp ban hành/chỉ đạo
<b>I</b>	<b>Các đề án, chính sách đã được ban hành</b>				
1	Thực hiện hỗ trợ theo Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định cơ chế, chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2019-2025	HĐND tỉnh (Đã ban hành)
2	Hỗ trợ chi phí sản xuất giống cây trồng Nông nghiệp theo Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 14/07/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nội dung và mức chi hỗ trợ sản xuất giống phục vụ phát triển nông lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2023-2030	HĐND tỉnh (Đã ban hành)
3	Thực hiện hỗ trợ theo Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 14/07/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2023-2030	UBND các huyện, thành phố	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan	Giai đoạn 2023-2030	HĐND tỉnh (Đã ban hành)
4	Thực hiện hỗ trợ giống lúa thuần chất lượng theo điều 7 - Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 14/07/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2023-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2023-2030	HĐND tỉnh (Đã ban hành)
5	Thực hiện hỗ trợ theo Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2023-2030	HĐND tỉnh (Đã ban hành)

6	Đề án Phát triển quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2024-2030	UBND tỉnh (Đã ban hành)
7	Thực hiện Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2030	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2024-2030	UBND tỉnh (Đã ban hành)
8	Thực hiện Kế hoạch số 132/KH- UBND ngày 01/8/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2024-2030	UBND tỉnh (Đã ban hành)
<b>II</b>	<b>Các đề án, chính sách định hướng trong thời gian tới</b>				
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, cơ sở dữ liệu đất sản xuất nông nghiệp	Sở Tài nguyên và môi trường	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2025-2030	
2	Xây dựng chương trình phát triển hệ thống Logistic và xúc tiến thương mại nông sản đến năm 2030.	Sở Công thương	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2025-2030	
3	Thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn	Sở Lao động thương binh và xã hội	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm	Sở Lao động thương binh và xã hội
4	Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ và chuyển giao khoa học kỹ thuật cho các sản phẩm trồng trọt chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của tỉnh	Sở Khoa học và công nghệ	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm	
5	Triển khai thực hiện Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 26/02/2024 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch số 114-KH/TU ngày 05/01/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới	Sở Khoa học và công nghệ	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm	

6	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 43/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn, công cụ, mô hình, phương pháp quản lý tiên tiến, đạt giải thưởng chất lượng, có sản phẩm, hàng hóa công bố tiêu chuẩn cơ sở, công bố hợp chuẩn và áp dụng truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2023-2030.	Sở Khoa học và công nghệ	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm	
7	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Trồng trọt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố		Sở Nông nghiệp và PTNT
8	Ứng dụng các chế phẩm sinh học thế hệ mới, các chế phẩm quy mô công nghiệp, phân hữu cơ vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, sử dụng rộng rãi các loại bẫy, chất dẫn dụ sinh học và các chế phẩm sinh học khác trong quá trình sản xuất.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2025-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT
9	Kế hoạch nâng cao sức khỏe đất và quản lý dinh dưỡng cây trồng.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2025-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT
10	Kế hoạch phát triển thủy lợi, giao thông nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước giai đoạn 2025-2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2025-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT
11	Hỗ trợ công nghệ sơ chế, chế biến, bảo quản nông sản trồng trọt, giảm tổn thất sau thu hoạch	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2025-2030	
12	Triển khai các nhiệm vụ khuyến khích sử dụng thuốc BVTV sinh học, phân bón hữu cơ trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2025-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT
13	Xây dựng Đề án phát triển sản xuất và sử dụng thuốc Bảo vệ thực vật sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2025-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT